TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG	CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 315/2023/HC-PT
Ngày: 07/9/2023
V/v: "Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai".

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: ông **Phạm Ngọc Thái**

Các Thẩm phán: ông **Trương Minh Tuấn**

ông **Lê Tự**

- ***Thư ký phiên tòa***: bà **Văn Thị Mỹ Thảo**; Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: ông **Phạm Tấn Ánh**; Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng, xét xử phúc thẩm công khai vụ án hành chính thụ lý số 91/2023/TLPT-HC ngày 17 tháng 5 năm 2023 về việc *"Kiện quyết định hành chính trong lĩnh vực quản lý đất đai"* do bản án hành chính sơ thẩm số 102/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 3007/2023/QĐPT-HC ngày 18 tháng 8 năm 2023 giữa các đương sự:

- Người khởi kiện: ông Giang Đình Đ, sinh năm 1992; địa chỉ: tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Nguyễn Văn L - Luật sư Văn phòng L2 thuộc Đoàn Luật sư tỉnh Đ. Địa chỉ: D C, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người bị kiện: Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk;

Người đại diện theo ủy quyền: ông Lê Đại T - Phó Chủ tịch Ủy ban nhân dân thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

Địa chỉ: 01 Lý Nam Đế, phường Thắng Lợi, thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp: ông Võ Quang H - Chức vụ: Phó Giám đốc Trung tâm phát triển quỹ đất thành phố B.

Địa chỉ: C H, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

1. Bà Huỳnh Thị Trà M (vợ ông Đ), sinh năm 1991; địa chỉ: tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

2. Bà Đặng Thị Ánh T1, sinh năm 1974; địa chỉ: tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo trình bày của các đương sự và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, nội dung vụ án thể hiện như sau:***

Thửa đất số 257, tờ bản đồ số 91, diện tích 5.576,9 m^2 (trước đây là thửa đất số 43, tờ bản đồ số 6), địa chỉ phường T, thành phố B là đất Nhà nước giao cho Công ty C2 (sau đây viết tắt là Công ty C2). Ngày 28/5/2009 Công ty C2 ký kết hợp đồng kinh tế nhận khoán liên kết sản xuất cà phê với bà Đặng Thị Ánh T1 thửa đất này, trên đất có 512 cây cà phê trồng năm 1995. Ngày 13/7/2009 bà T1 chuyển nhượng lại hợp đồng giao khoán này cho ông Giang Đình Đ, hai bên viết giấy chuyển nhượng, không có xác nhận của Công ty C2.

Ngày 10/8/2016 Công ty C2 giải thể theo Quyết định số 2332/QĐ-UBND của Ủy ban nhân dân (Viết tắt là UBND) tỉnh Đắk Lắk. Ngày 04/01/2017 UBND tỉnh Đ ban hành Quyết định số 07/QĐ-UBND về việc thu hồi 5.138.059,7 m^2 đất của Công ty C2; giao 897.744,7 m^2 trong diện tích đất thu hồi trên cho Trung tâm P quản lý, lập phương án sử dụng đất theo quy hoạch, kế hoạch sử dụng đất và quy định của pháp luật (trong đó có thửa đất số 257 của ông Đ).

Ngày 22/9/2021 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 6680/QĐ-UBND (sau đây viết tắt là Quyết định số 6680) về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị D, phường T, thành phố B (đợt 4), trong đó hộ ông Đ được bồi thường, hỗ trợ tổng số tiền 832.003.783 đồng.

Ông Giang Đình Đ không đồng ý với Quyết định số 6680 nên khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy 01 phần Quyết định số 6680 và buộc Ủy ban phải bổ sung các khoản hỗ trợ, cụ thể:

- Chi phí đầu tư còn lại vào đất: từ khi nhận giao khoán đất đến nay, gia đình ông Đ đã đầu tư vào đất gồm lắp đặt đường ống tưới tiêu, điện lưới, phân vi sinh bón cây. Đến năm 2019 khi có thông báo thu hồi đất thì chi phí đầu tư này gia đình chưa thu hồi được. Quyết định số 6680 không bồi thường cho ông Đ khoản này nên ông Đ yêu cầu Ủy ban phải bồi thường chi phí đầu tư còn lại vào đất từ năm 2017-2020. Tại phiên họp công khai chứng cứ, ông Đ không yêu cầu Ủy ban phải bồi thường khoản tiền này.

- Tài sản, vật kiến trúc trên đất: 01 Giếng khoan tạo lập năm 2012, ông Đ thuê ông T1 khoan giếng với giá khoảng 40.000.000 đồng, hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản giấy tờ gì. Trụ cổng, tường rào, bể phân sinh học xây dựng năm 2012, ông Đ thuê ông T2 xây dựng. Các giấy tờ liên quan đến việc mua bán nguyên vật liệu xây dựng ông Đ không còn lưu giữ nên không có đề cung cấp cho Tòa án. Khi nhận chuyển nhượng từ bà T1, ông Đ đã đọc kỹ hợp đồng giao khoán, biết là nghiêm cấm việc xây dựng nhà cửa trên đất nhưng do không có chỗ ở nào khác nên ông Đ xây dựng nhà trên đất nhận khoán để ở. Khi ông Đ xây dựng nhà cửa, vật kiến trúc thì không cơ quan, tổ chức nào đến lập biên bản, đình chỉ việc xây dựng nên ông Đ yêu cầu Ủy ban phải hỗ trợ đối với các tài sản nêu trên.

- Về cây trồng trên đất: Quyết định số 6680 không bồi thường, hỗ trợ đối với các cây trồng xen vượt mật độ trên 100% gồm cây Sầu Riêng, B, T3, Muồng Đ1, X, Chôm C, M, V, M1 (đều trồng năm 2010), T, Đinh L1 (trồng năm 2016), cây Cam gép (trông năm 2017). Ông Đ yêu cầu Ủy ban phải hỗ trợ đối với các cây trồng này.

- Giá trị vườn cây: Theo Quyết định số 6680 thì giá trị vườn cây của gia đình ông Đ là 43.254.680 đồng. Lẽ ra khoản tiền này Ủy ban phải chi trả cho gia đình ông Đ nhưng Ủy ban lại không chi trả mà giữ lại. Khoản tiền này không được tính cộng vào trong tổng số tiền 832.003.783 đồng mà gia đình ông Đ được bồi thường nên ông Đ yêu cầu Ủy ban phải chi trả số tiền này.

- Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: ông Đ và bà Huỳnh Thị Trà M (vợ ông Đ) trực tiếp sản xuất và nguồn thu nhập chính từ đất nhận khoán của Công ty, không có công việc nào khác. Quyết định số 6680 không hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm cho vợ chồng ông Đ nên ông Đ yêu cầu Ủy ban phải hỗ trợ khoản tiền này.

- Tái định cư, hỗ trợ tiền thuê nhà, hỗ trợ di chuyển: Sau khi đất bị thu hồi, vợ chồng ông Đ không có nơi ở nào khác nên phải đi thuê nhà để ở. Quyết định số 6680 không bố trí tái định cư cho gia đình ông Đ nên ông Đ yêu cầu Ủy ban phải hỗ trợ tiền thuê nhà, tiền di chuyển chỗ ở và bố trí tái định cư cho gia đình anh.

Tại phiên tòa sơ thẩm, ông Đ bổ sung yêu cầu khởi kiện, yêu cầu Ủy ban phải hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất; hỗ trợ tài sản đường dây điện dài 250m, gồm 04 trụ sắt.

**** Người bị kiện*** UBND thành phố B ***trình bày:*** Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 6680 là đúng quy định của pháp luật, bởi lẽ:

- Về tài sản trên đất: Giếng khoan, cổng, tường rào, bể nước ông Đ tạo lập năm 2018, sau khi có quyết định thu hồi đất nên không đủ điều kiện hỗ trợ theo khoản 2 Điều 92 Luật đất đai.

- Về cây trồng xen: Các cây trồng xen vượt mật độ trên 100% nên không đủ điều kiện hỗ trợ theo khoản 3 Điều 4 Quyết định số 10 ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đ.

- Hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm: thửa đất 257 của Công ty C2, bị thu hồi do tổ chức sử dụng đất đã giải thể theo Điều 65 Luật đất đai, không phải trường hợp thu hồi đất vì mục đích quốc phòng, an sinh xã hội theo Điều 61, 62 Luật đất đai. Công ty C2 giải thể ngày 30/9/2016 thì hiệu lực hợp đồng liên kết sản xuất cà phê với các hộ dân chấm dứt. Hộ ông Giang Đình Đ không trực tiếp sản xuất nông nghiệp nên không thuộc trường hợp được hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm.

- Tái định cư và hỗ trợ tiền thuê nhà: Thửa đất 257 của Công ty C2, ông Đ không phải là đối tượng bị thu hồi đất nên không được hỗ trợ tiền thuê nhà theo khoản 7 Điều 1 Quyết định số 27 ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ. Do gia đình ông Đ không có nhà ở, đất ở nào khác, UBND thành phố B đang xem xét, giải quyết đơn xin giao đất của hộ ông Đ.

Do vậy, UBND thành phố B đề nghị Tòa án không chấp nhận toàn bộ đơn khởi kiện của ông Đ.

**** Người làm chứng.***

- Ông Nguyễn Văn T4 trình bày: khoảng tháng 5, tháng 6/2013 ông T4 được ông Giang Đình Đ thuê khoan giếng tại rẫy cà phê của ông Đ thuộc tổ dân phố I, phường T, thành phố B, tỉnh Đắk Lắk. Hai bên thỏa thuận miệng, không lập văn bản giấy tờ gì. Ông Đ thuê ông T4 khoan giếng sâu khoảng hơn 100m, giá khoán toàn bộ khoảng hơn 30.000.000 đồng. Sau khi hoàn thành công việc, ông Đ đã thanh toán xong tiền cho ông T4, khi giao nhận tiền hai bên không lập văn bản giấy tờ gì.

- Ông Tống Đức T5 trình bày: Khoảng tháng 02 hay tháng 3/2013 ông T5 được ông Đ thuê xây dựng bể chứa nước ăn, bể chứa nước tưới tiêu, trụ cổng và 01 đoạn tường rào sát trụ cổng trên đất rẫy của ông Đ tại tổ dân phố I, phường T, thành phố B. Hai bên chỉ thỏa thuận miệng, không lập văn bản giấy tờ gì. Ông Đ chuẩn bị nguyên vật liệu xây dựng, còn ông T5 là người thi công xây dựng. Ông T5 đã xây dựng cho ông Đ các công trình sau: 01 bể chứa nước ăn có thể tích 02m x 1,3m x 1,5m, xây bằng gạch 04 lỗ 20cm, tô cát xi măng; 01 bể chứa nước có thể tích 06m x 06m x 02m, tường gạch 04 lỗ 20cm, tô xi măng; hai trụ cổng 60cm x 60cm x 02m xây bằng gạch đỏ 04 lỗ, tô xi măng; tường rào dài khoảng 04m, cao 02m, xây bằng gạch 04 lỗ. Ông Đ đã thanh toán xong tiền cho ông T5, hai bên không lập văn bản giấy tờ gì.

Tại Bản án hành chính sơ thẩm số 102/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 30; khoản 4 Điều 32; điểm a khoản 2 Điều 116; Điều 157; điểm a khoản 2 Điều 193; Điều 194 và khoản 1 Điều 206 của Luật tố tụng hành chính năm 2015;

Áp dụng Điều 69, Điều 77, Điều 83, Điều 84, Điều 86, Điều 89, Điều 90, Điều 92 Luật đất đai 2013; Nghị định 47/2014/NĐ-CP về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất và Nghị định số 01/2017//NĐ-CP ngày 06/01/2017 của Chính phủ quy định về sửa đổi, bổ sung một số Nghị định quy định chi tiết thi hành Luật đất đai; Điều 32 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ quốc hội.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận một phần đơn khởi kiện của anh Giang Đình Đ.

- Hủy một phần Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của Ủy ban nhân dân thành phố B về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án Khu đô thị D, phường T, thành phố B (đợt 4) về việc không hỗ trợ đối với 01 giếng khoan đường kính lỗ khoan dưới 200mm, không hỗ trợ đào tạo chuyển đổi nghề và tìm kiếm việc làm của hộ anh Giang Đình Đ.

- Buộc Ủy ban nhân dân thành phố B lập lại phương án bồi thường, hỗ trợ cho hộ anh Giang Đình Đ đối với 01 giếng khoan đường kính lỗ khoan dưới 200mm; bổ sung nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm kiếm việc làm cho hộ gia đình anh Giang Đình Đ theo quy định của pháp luật.

2. Không chấp nhận một phần khởi kiện của anh Giang Đình Đ về việc yêu cầu Ủy ban nhân dân thành phố B phải hỗ trợ tài sản trên đất gồm hàng rào, bể nước, trụ cổng gạch; cây trồng xen vượt mật độ 100% gồm 08 cây Sầu Riêng, 09 cây Bơ, 04 cây Tiêu, 04 cây Muồng đen, 62 cây Xoài, 49 cây Chôm Chôm, 90 cây Cam (trồng năm 2017), 05 cây M, 03 cây Vải, 12 cây Mít, 149 cây Thần Tài, 25 cây Đinh Lăng; tái định cư; hỗ trợ tiền thuê nhà; hỗ trợ di chuyển; chi trả tiền giá trị vườn cây.

Ngoài ra, bản án sơ thẩm còn quyết định về án phí và công bố quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Trong thời hạn luật định, ngày 14/4/2023 ông Giang Đình Đ kháng cáo một phần bản án sơ thẩm, đề nghị Tòa án cấp phúc thẩm sửa bản án sơ thẩm theo hướng buộc UBND thành phố B phê duyệt lại phương án bồi thường: hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; giao đất tái định cư; hỗ trợ tiền thuê nhà; hỗ trợ di chuyển chỗ ở; hủy bỏ thu số tiền 43.254.680 đồng, bồi thường chi phí đầu tư vào đất còn lại và chi trả tiền giá trị vườn cây; bồi thường cây cà phê và các loại cây trồng chung đúng mật độ, tính bằng 100% đơn giá đã ban hành theo quy định cho hộ gia đình ông.

Ngày 20/4/2023, ông Giang Đình Đ kháng cáo bổ sung yêu cầu bồi thường: trụ cổng, tường rào, bể phân sinh học, đường điện dài 250m, 04 trụ điện bằng sắt dài 6m đường kính 9cm xây dựng năm 2012.

Tại phiên tòa phúc thẩm: người khởi kiện ông Giang Đình Đ vẫn giữ nguyên yêu cầu kháng cáo.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho người khởi kiện đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận kháng cáo, sửa quyết định bản án sơ thẩm.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng nêu quan điểm giải quyết vụ án; đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng hành chính, bác yêu cầu kháng cáo của ông Giang Đình Đ và giữ nguyên bản án sơ thẩm.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án; ý kiến trình bày, tranh luận của đương sự, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của đương sự và ý kiến của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1]. Ngày 22/9/2021 Ủy ban nhân dân thành phố B ban hành Quyết định số 6680/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ khi nhà nước thu hồi đất để thực hiện dự án khu đô thị D, phường T, thành phố B (đợt 4), trong đó có thửa đất số 257 ông Giang Đình Đ đang quản lý sử dụng. Không đồng ý với quyết định này, ngày 25/8/2022 ông Đ khởi kiện yêu cầu Tòa án hủy một phần Quyết định số 6680 và buộc UBND thành phố B ban hành quyết định phê duyệt phương án bồi thường, hỗ trợ bổ sung. Quyết định hành chính này làm thay đổi ảnh hưởng đến quyền lợi của ông Đ nên là đối tượng trong khởi kiện vụ án hành chính. Tòa án cấp sơ thẩm căn cứ quy định tại điểm a khoản 2 Điều 116, khoản 1 Điều 30 và khoản 4 Điều 32 Luật tố tụng hành chính tiến hành thụ lý và giải quyết vụ án là đúng pháp luật.

[2] Xét yêu cầu kháng cáo của người khởi kiện, thì thấy:

Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 22/9/2021 của UBND thành phố B: Ủy ban nhân dân thành phố B đã căn cứ vào các quyết định của UBND tỉnh Đ có hiệu lực pháp luật để tính giá trị bồi thường, hỗ trợ là đúng quy định tại Điều 69, 74, 75, 82, 83, 89, 90 Luật Đất đai, Điều 3, 9, 11, 25 Nghị định số 47/2014/NĐ-CP ngày 15/5/2014 quy định về bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Nghị định 01/2017/NĐ-CP, ngày 06/01/2017 của Chính phủ về sửa đổi, bổ sung một số nghị định quy định chi tiết thi hành luật đất đai và các Quyết định của UBND tỉnh Đ: Quyết định số 27/2019/QĐ-UBND, ngày 19/02/2019 về sửa đổi, bổ sung một số quy định liên quan đến bồi thường, hỗ trợ, tái định cư khi Nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 13/2017/QĐ-UBND, ngày 16/3/2017 về việc ban hành quy định giá bồi thường tài sản, vật kiến trúc trên đất khi nhà nước thu hồi đất; Quyết định số 10/2020/QĐ-UBND, ngày 13/4/2020 về việc quy định đơn giá bồi thường, hỗ trợ cây trồng trên địa bàn tỉnh Đắk Lắk;

[2.1]. Đối với yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất; giao đất tái định cư; hỗ trợ tiền thuê nhà; hỗ trợ di chuyển chỗ ở thì thấy:

- Về yêu cầu hỗ trợ ổn định đời sống và sản xuất: Bản án sơ thẩm đã chấp nhận một phần đơn khởi kiện của anh Giang Đình Đ hủy một phần Quyết định số 6680/QĐ-UBND ngày 22/9/2021; buộc Ủy ban nhân dân thành phố B lập lại phương án bồi thường bổ sung nội dung hỗ trợ đào tạo, chuyển đổi nghề, tìm

kiếm việc làm cho hộ gia đình ông Giang Đình Đ là đúng pháp luật nhưng ông Đ không đồng ý lại tiếp tục kháng cáo nên không được chấp nhận.

- Về yêu cầu giao đất tái định cư; hỗ trợ tiền thuê nhà; hỗ trợ di chuyển chỗ ở thì thấy: thửa đất số 257 của Công ty C2 được Nhà nước giao. Ông Đ không phải là đối tượng ký hợp đồng nhận khoán; việc chuyển nhượng đất giữa bà T1 với ông Đ là tự ý cá nhân; ông Đ không được Công ty C2 xác nhận là người nhận khoán khi bị thu hồi đất nên không được hỗ trợ tái định cư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 83 Luật đất đai; không được hỗ trợ tiền thuê nhà theo khoản 7 Điều 1 Quyết định số 27 ngày 19/12/2019 của UBND tỉnh Đ; không được hỗ trợ di chuyển chỗ ở theo Điều 20 Quyết định số 39.

[2.2]. Về cây trồng xen vượt mật độ trên 100%: tại Biên bản kiểm đếm tài sản ngày 15/01/2020 thể hiện trên đất anh Đ trồng 283 cây Cà phê vối, 79 cây Sầu Riêng ghép, 49 cây Chôm Chôm ghép, 62 cây Xoài ghép, 12 cây Mít ghép, 05 cây M, 32 cây Bơ, 03 cây Vải, 375 cây Cam, 528 cây Tiêu, 08 cây Bưởi, 149 cây Thần Tài, 25 cây Đinh Lăng. Tại Quyết định số 6680 xác định cây trồng chính gồm cây Cà phê, cây Tiêu, cây Sầu R; cây trồng xen đúng mật độ, vượt mật độ đến 50% và vượt mật độ trên 50% đến 100% gồm cây Bưởi, cây Tiêu, B ghép, M2 đen, C1 ghép.

Các cây trồng còn lại gồm 08 cây Sầu Riêng, 09 cây Bơ, 04 cây Tiêu, 04 cây Muồng đen, 62 cây Xoài, 49 cây Chôm Chôm, 90 cây Cam (trồng năm 2017), 05 cây M, 03 cây Vải, 12 cây Mít, 149 cây Thần Tài, 25 cây Đinh Lăng. Số lượng các cây trồng xen này vượt quá 100% mật độ quy định nên không được hỗ trợ theo khoản 3 Điều 4 Quyết định số 10/QĐ-UBND ngày 13/4/2020 của UBND tỉnh Đ.

[2.3]. Về giá trị vườn cây: ngày 16/11/2018 UBND tỉnh Đ ban hành quyết định số 3115/QĐ-UBND về việc phê duyệt phương án giải thể đối với Công ty TNHH MTV C2. Theo đó phương án xử lý tài sản là vườn cây cà phê được giao cho Hội đồng giải thể Công ty thanh toán các khoản nợ theo quy định. Tại tiểu mục d mục 17 bảng tính chi tiết kinh phí bồi thường, hỗ trợ khi Nhà nước thu hồi đất thể hiện, giá trị vườn cây tại thửa đất số 257 là 43.254.680 đồng được giao cho Hội đồng giải thể Công ty TNHH MTV C2 là đúng quy định.

[2.4] Đối với yêu cầu kháng cáo về việc buộc UBND thành phố B phải hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất, hỗ trợ tài sản là 250m dây điện và 04 trụ điện: Tại phiên tòa sơ thẩm, người khởi kiện bổ sung yêu cầu khởi kiện về việc buộc Ủy ban phải hỗ trợ chi phí đầu tư còn lại vào đất, hỗ trợ tài sản là 250m dây điện và 04 trụ điện. Tuy nhiên, tại đơn khởi kiện và phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và đối thoại, người khởi kiện không yêu cầu Tòa án giải quyết. Bản án sơ thẩm đã xác định yêu cầu này vượt quá phạm vi khởi kiện ban đầu theo quy định tại khoản 1 Điều 173 Luật tố tụng hành chính nên không chấp nhận là có căn cứ.

[3] Từ những nhận định trên, xét thấy, Bản án sơ thẩm đã giải quyết vụ án đúng pháp luật. Tại phiên tòa phúc thẩm, ông Giang Đình Đ kháng cáo nhưng không cung cấp được chứng cứ để chứng minh cho yêu cầu kháng cáo là đúng nên không có căn cứ chấp nhận; do đó Hội đồng xét xử chấp nhận quan điểm đề

nghị của đại diện Viện Kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng bác kháng cáo, giữ nguyên bản án sơ thẩm.

[4] Do người khởi kiện là ông Giang Đình Đ bị bác kháng cáo nên phải chịu án phí theo quy định của pháp luật nhưng được đối trừ với số tiền tạm ứng án phí đã nộp.

[5] Các quyết định khác của bản án sơ thẩm không có kháng cáo kháng nghị có hiệu lực pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ khoản 1 Điều 241 Luật tố tụng Hành chính năm 2015;

1. Bác kháng cáo của người khởi kiện là ông Giang Đình Đ. Giữ nguyên quyết định của Bản án hành chính sơ thẩm số 102/2022/HC-ST ngày 20 tháng 9 năm 2022 của Tòa án nhân dân tỉnh Đắk Lắk.

2. Về án phí phúc thẩm: Áp dụng khoản 1 Điều 34 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án

Buộc ông Giang Đình Đ phải chịu 300.000 đồng hành chính phúc thẩm nhưng được đối trừ vào số tiền 300.000 *(Ba trăm ngìn)* đồng tạm ứng án phí đã nộp tại Biên lai thu tạm ứng án phí số 0001576 ngày 17/4/2023 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Đắk Lắk.

3. Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:
- TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- Cục THADS tỉnh Đắk Lắk;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu HSVA, PHCTP, LT.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

(Đã ký)

Phạm Ngọc Thái